TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:195/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 29/12/2023.
V/v:"Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Ba.

2/ Ông Lưu Đức Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 785/2023/TLST–HNGĐ ngày 26/10/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2023/QĐST–HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Tổ 09A, khu phố Miễu, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

– Bị đơn: Anh Dương Văn Đ, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Tổ 56, ấp 5, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L trình bày:***

– Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 13/09/2022, nhưng không tổ chức cưới.

Sau khi kết hôn, chị và anh Đkhông chung sống với nhau. Sau thời gian tìm hiểu, thấy không hợp nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đúng.

– Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Dương Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý lý vụ án, các văn bản tố khác, triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng anh Đvắng mặt, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tống đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Xử cho chị L được ly hôn với anh Đúng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Dương Văn Đ có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp 5, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L.

Bị đơn anh Dương Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đúng.

[2] Về nội dung:

Chị L và anh Đtự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam An, huyện Long Thành vào năm 2022 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị L trình bày sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống với nhau. Tuy nhiên, sau thời gian tìm hiểu, thấy không hợp nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đúng. Do anh Đkhông đến Tòa án làm việc, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, xác minh của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được, có căn cứ xác định mục đích hôn nhân giữa chị L và anh Đkhông đạt, không chung sống với nhau nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

– Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002365 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị L đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39; 266, 271, 273; Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 227; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc L, chị L được ly hôn anh Dương Văn Đ.

– Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét.

2/ Về án phí: Chị L nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002365 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị L đã nộp đủ án phí.

3/ Chị L, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Tam An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thùy Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Ba – Lưu Đức Chung Nguyễn Ngọc Thùy Trang